

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **471/2017/DS-ST**

Ngày: 28/9/2017

V/v: Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Nhung
2. Bà Trần Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 230/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 329/2017/QĐXX-DS ngày 15 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S;
Trụ sở: số 266-268, đường N, phường X, quận Y, Thành phố H;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông L, sinh năm 1970; (vắng mặt)
(*Văn bản ủy quyền số 402/2017/UQ-TTT ngày 20/3/2017*)

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Thủy T, sinh năm 1976; (vắng mặt)
Địa chỉ: số 28, đường N, phường T, quận T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/3/2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận T, ông Lã Ngọc Minh là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/4/2009, bà Phạm Thị Thủy T đã ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S). Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng Thương mại cổ phần S đồng ý cấp cho bà T thẻ tín dụng với hạn mức 50.000.000 đồng, mục đích để tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, bà T đã thực hiện các

giao dịch với tổng số tiền là 39.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà T chỉ thanh toán được số tiền 15.081.359 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngày 23/10/2013, Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 22/5/2017, bị đơn bà Phạm Thị Thủy T còn nợ thẻ tín dụng số tiền là 94.484.664 đồng (bao gồm nợ gốc là 39.268.752 đồng và nợ lãi là 55.215.912 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 23/5/2017 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu bà Phạm Thị Thủy T thanh toán số tiền nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 22/5/2017 là 94.484.664 đồng (bao gồm nợ gốc là 39.268.752 đồng và nợ lãi là 55.215.912 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 23/5/2017 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng. Phương thức và thời hạn thanh toán: thanh toán một lần khi bản án, quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại Đơn xin vắng mặt ngày 14/9/2017 và Bản tự khai các ngày 28/8/2017, 14/9/2017 của bị đơn bà Phạm Thị Thủy T thể hiện:

Bà xác nhận việc ký kết Hợp đồng tín dụng ngày 28/4/2009 giữa bà và Ngân hàng Thương mại cổ phần S và xác nhận số nợ gốc còn lại là 39.268.752 đồng và xin được giảm lãi.

Tòa án nhân dân quận T đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 15/9/2017 để các đương sự giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, bị đơn là bà Phạm Thị Thủy T hiện đang bị điều tra, khởi tố vụ án hình sự và bị tạm giam tại Trại giam T17 - Bộ Công an nên bà T xin đơn được hòa giải, xét xử vắng mặt tại Tòa án, nên Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên Tòa hôm nay:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu ý kiến:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 48, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 73, 95, 96, 97, 203, 220, 228, 234, 237, 243, 239, 249, 250 và 251 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử:

- Xét yêu cầu thanh toán số nợ còn thiếu là 94.484.664 đồng (bao gồm nợ gốc là 39.268.752 đồng và nợ lãi là 55.215.912 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 23/5/2017 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín

dụng kiêm hợp đồng ngày 28/4/2009 bà Phạm Thị Thủy T đã ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S; Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S thì hình thức và nội dung sự thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật, Bà T cũng thừa nhận việc vay nợ như đã nêu trên nên theo quy định tại Điều 388, Điều 389, Điều 405, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận câu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Hội đồng xét xử xét thấy tại Đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/4/2009 bà T đã ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S; Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng thẻ tín dụng. Do bị đơn cư trú tại quận T nên Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, trong thời hạn khởi kiện và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn: Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập đương sự; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự theo quy định tại Điều 177, Điều 196, Điều 208, Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lã Ngọc Minh và bị đơn là bà Phạm Thị Thủy T có đơn xin được xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bà Phạm Thị Thủy T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

- Xét yêu cầu thanh toán số nợ còn thiếu là 94.484.664 đồng (bao gồm nợ gốc là 39.268.752 đồng và nợ lãi là 55.215.912 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 23/5/2017 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/4/2009 bà Phạm Thị Thủy T đã ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S; Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S thì hình thức và nội dung sự thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 388, Điều 389, Điều 405, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005. Trong việc thực hiện hợp đồng trên, bà T là bên vi phạm hợp đồng, không trả nợ đúng hạn quy định trong hợp đồng nên Ngân hàng

Thương mại cổ phần S yêu cầu bà T thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật số tiền 94.484.664 đồng (bao gồm nợ gốc là 39.268.752 đồng và nợ lãi là 55.215.912 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 23/5/2017 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 51 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2004) và Điều 17 Quyết định số 1627/2010/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng quy định: “Việc cho vay của tổ chức tín dụng và khách hàng vay phải được lập thành hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng phải có nội dung về điều kiện vay, mục đích sử dụng vốn vay, phương thức cho vay, số vốn vay, lãi suất, thời hạn cho vay,...và những cam kết khác được các bên thỏa thuận” nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

- Xét yêu cầu thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ.

Bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngày 23/10/2013, Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Do vậy nay đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu bà T thanh toán số tiền 94.484.664 đồng (bao gồm nợ gốc là 39.268.752 đồng và nợ lãi là 55.215.912 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 23/5/2017 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng là phù hợp khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng nên có căn cứ chấp nhận.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.724.233 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 2.290.353 đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 388, Điều 389, Điều 405, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 2, khoản 6 Điều 4 và Điều 118 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc bà Phạm Thị Thủy T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 94.484.664 đồng (bao gồm nợ gốc là 39.268.752 đồng và nợ

lãi là 55.215.912 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 23/5/2017 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S). Thời hạn thanh toán: khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Số tiền 4.724.233 đồng do bà Phạm Thị Thủy T chịu. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 2.290.353 đồng theo Biên lai thu số 0012438 ngày 05/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

3. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bà Phạm Thị Thủy T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc niêm yết bản sao án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.H;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Mỹ